TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2024/QĐST-LĐ	*Vũ Thư, ngày 22 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Yêu cầu Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Bùi Thị Thoan.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 26/2024/TLST-VLĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc *"Yêu cầu tuyên bố Hợp động lao động vô hiệu"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 26/2024/ QĐ - MPH ngày 18 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Thôn Bách Tính, xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. **Công ty X**;

Địa chỉ: Km x đường y, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông P, sinh năm 19xx, chức vụ: Tổng giám đốc.

2.2. **Bảo hiểm xã hội T**;

Địa chỉ: Số N, đường U, phường L, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội T.

2.3. Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1992; Địa chỉ: SN 458, tổ Trung Hưng, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai người yêu cầu, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 2010, chị đã cho chị Bùi Thị T mượn chứng minh nhân dân mang tên chị và thông tin cá nhân của chị để chị Bùi Thị T ký hợp đồng với Công ty X từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 08 năm 2010 thì chị T thôi việc. Quá trình làm việc Công ty X đóng BHXH cho chị T đứng tên chị (Nguyễn Thị N) theo quy định với số sổ 3410003351. Trong khi đó từ tháng 01/2010 chị N đang làm việc tại Công ty TNHH O và có đóng bảo hiểm xã hội theo quy định với số sổ 3410001xxx. Tháng 4/2010 chị xin nghỉ việc tại công ty. Tháng 06/2010 chị tiếp tục quay lại làm việc tại Công ty và tiếp tục tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Tháng 02/2011 chị xin nghỉ việc tại Công ty TNHH O, sau đó chuyển làm việc tại nhiều công ty khác. Tháng 06/2024 chị xin nghỉ việc và xin chốt sổ bảo hiểm xã hội, tuy nhiên không làm được thủ tục do bảo hiểm xã hội đứng tên chị (Nguyễn Thị N) có hai sổ và bị trùng thời điểm từ tháng 02/2010 đến tháng 08/2010.

Vì vậy, chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 5756 ngày 19/02/2010 giữa người lao động là Nguyễn Thị N (nhưng do chị Bùi Thị T là người tham gia ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty X vô hiệu, đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty X trình bày: Trong thời gian từ ngày 19/02/2010 đến ngày 19/02/2011, Công ty X có ký kết Hợp đồng lao động với người có thông tin cá nhân là chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình, số CMTND 151773xxx do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 12/02/20xx. Đến tháng 9 năm 2010, chị N xin nghỉ việc tại công ty và trong thời gian từ tháng 02/2010 đến tháng 02/2011 chị Nguyễn Thị N không ký thêm hợp đồng lao động nào khác với Công ty X. Từ tháng 02/2010 đến tháng 08 năm 2010 Công ty X đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho chị Nguyễn Thị N theo số sổ 3410003xxx. Trong thời gian trên, công ty không ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Bùi Thị T, sinh năm 1992; Địa chỉ: SN Z, tổ H, thị trấn V, huyện N, tỉnh Thái Bình.

Việc chị Bùi Thị T, sinh năm 19xx lấy tên chị Nguyễn Thị N, sinh năm 19xx để ký hợp đồng với Công ty, công ty không biết. Nay chị N có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình trình bày: Theo tài liệu lưu trữ, Bảo hiểm xã hội B cung cấp tài liệu, chứng cứ

liên quan đến việc tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (BHXH, BHYT, BHTN) tại Công ty X do Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình quản lý thu đối với chị Bùi Thị T, sinh năm 19xx và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 19xx, cụ thể như sau:

Thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN của chị Nguyễn Thị N từ tháng 02/2010 đến tháng 08/2010 tại Công ty X theo sổ BHXH số sổ 3410003xxx là 07 tháng BHXH, BHYT, BHTN (chưa hưởng BHXH một lần và chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp).

Thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN của chị Nguyễn Thị N từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2011 tại Công ty O theo sổ BHXH số 3410001xxx là 01 năm BHXH, BHYT, BHTN (chưa hưởng BHXH một lần và chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp).

Việc chị Nguyễn Thị N cho chị Bùi Thị T mượn hồ sơ để giao kết hợp đồng lao động và đóng BHXH, BHYT, BHTN, nay chị Nguyễn Thị N đề nghị tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động là chị Nguyễn Thị N nhưng do chị T là người tham gia giao kết với người sử dụng lao động là Công ty X trong khoảng thời gian từ tháng 02/2010 đến tháng 08/2010 vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, BHXH tỉnh Thái Bình đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Bùi Thị T trình bày:* Do chị chưa làm chứng minh nhân dân nên chị đã mượn chứng minh nhân dân và hộ khẩu của chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 để ký hợp đồng lao động với Công ty X có địa chỉ: Km X đường Y, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình trong thời gian từ tháng 02/2010 đến tháng 08/2010 và được Công ty Ivory đóng BHXH với số sổ 3410003xxx. Đến tháng 9/2010 chị chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty Ivory và đi làm tại công ty khác đúng tên, tuổi và giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân) của chị. Toàn bộ nội dung chị Nguyễn Thị N trình bày là đúng sự thật. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị N. Chị không có yêu cầu gì khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:* Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình căn cứ vào các Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động 2019, Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty X và người lao động mang tên chị Nguyễn Thị N (nhưng người ký kết là chị Bùi Thị T trong thời gian từ tháng 02/2010 đến tháng 08/2010 là vô hiệu và giao cho các cơ quan chức năng có liên quan đến hợp đồng lao động đã ký giữa chị Nguyễn Thị N (do chị Bùi Thị T ký) với Công ty X điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Chị Nguyễn Thị N phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty X có địa chỉ tại thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Vì vậy Tòa án huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp; Tòa án căn cứ vào Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về việc áp dụng pháp luật: Hợp đồng lao động mà chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu được ký kết vào năm 2010 khi Bộ luật Lao động năm 1994 đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, do Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó Tòa án căn cứ các quy định tại Bộ luật Lao động năm 2012 và năm 2019 để giải quyết.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 08 năm 2010 giữa người lao động là Nguyễn Thị N nhưng do chị Bùi Thị T là người tham gia giao kết với người sử dụng lao động là Công ty X vô hiệu thì thấy: Việc chị Bùi Thị T mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân, hộ khẩu) của chị Nguyễn Thị N để ký hợp đồng lao động với Công ty X là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại

khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ để chấp nhận. Cần tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty X và chị Nguyễn Thị N (do chị Bùi Thị T ký) trong thời gian từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 8 năm 2010 là vô hiệu toàn bộ.

[3.2] Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ - CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động giữa chị Bùi Thị T (Hồ sơ mượn tên chị Nguyễn Thị N) với Công ty X nhưng trên thực tế chị T có làm việc tại Công ty X, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc Công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho chị T (mang tên chị Nguyễn Thị N, số sổ là 3410003xxx). Do vậy cần giao cho các cơ quan chức năng có liên quan đến Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty X và chị Nguyễn Thị N (do chị Bùi Thị T ký) điều chỉnh tên Nguyễn Thị N trên sổ Bảo hiểm xã hội số 3410003xxx thành Bùi Thị T. Chị Bùi Thị T và chị Nguyễn Thị N có quyền liên hệ với cơ quan BHXH tỉnh Thái Bình để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Nguyễn Thị N thành Bùi Thị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ - CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N: Tuyên bố hợp đồng lao động từ ngày 19 tháng 02 năm 2010 đến ngày 19 tháng 02 năm 2011 đã ký giữa Công ty X và chị Nguyễn Thị N (do chị Bùi Thị T ký) trong thời gian từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 08 năm 2010 là vô hiệu toàn bộ.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh thông tin nhân thân tại Sổ bảo hiểm số 3410003xxx từ Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Bách Tính, xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, số CMTND 151773xxx do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 12/02/2009 thành Bùi Thị T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Số Z, tổ Y, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình; CCCD số 015192000xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/9/20xx. Chị Bùi Thị T và chị Nguyễn Thị N có quyền liên hệ với cơ quan BHXH tỉnh Thái Bình để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Nguyễn Thị N thành Bùi Thị T.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001xxx ngày x/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Bùi Thị T, Công ty X, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Thái Bình, chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Vũ Thư;
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký)